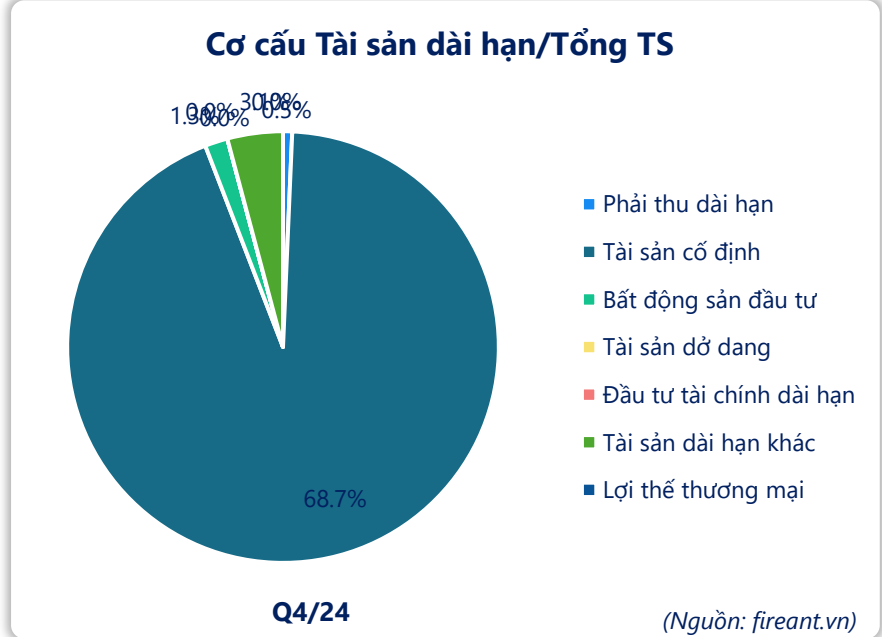
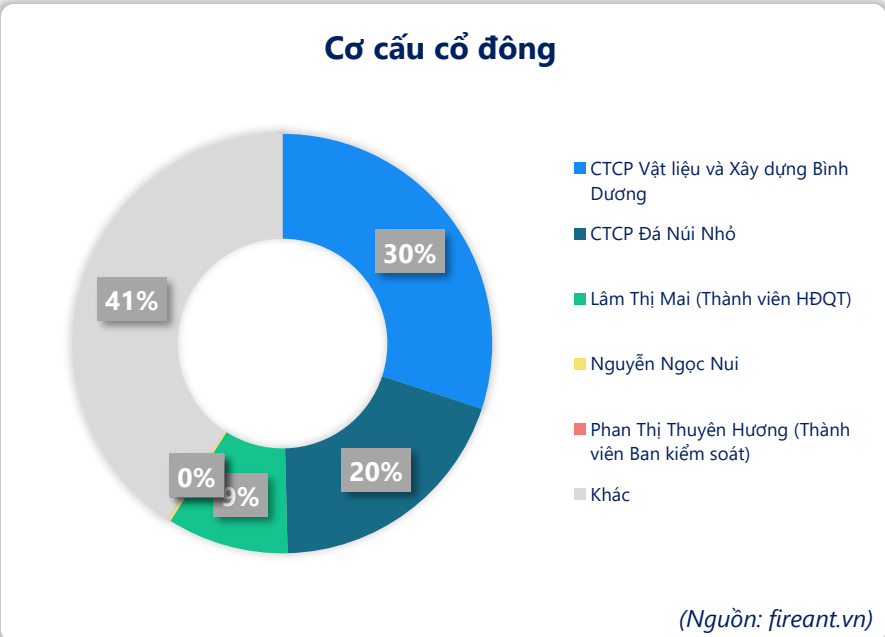
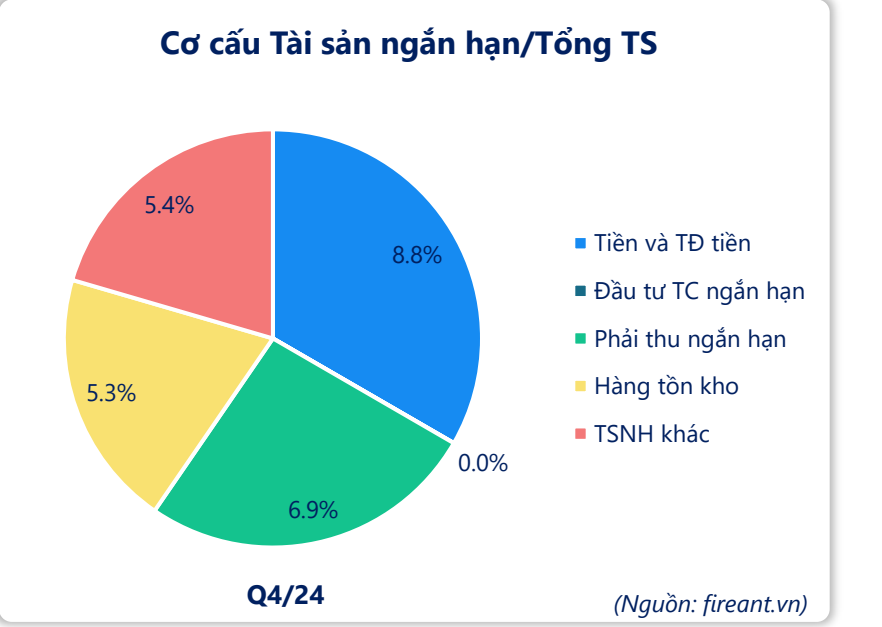
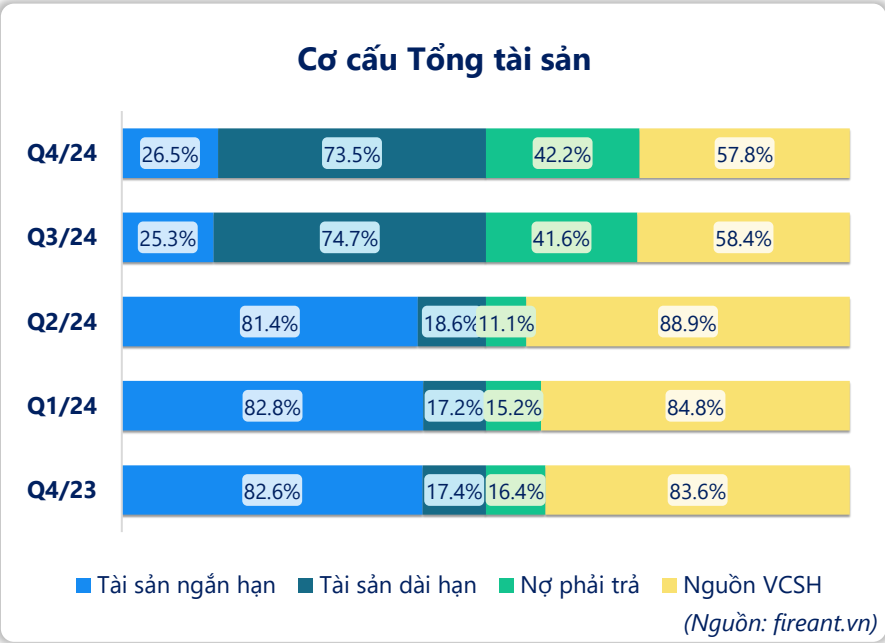
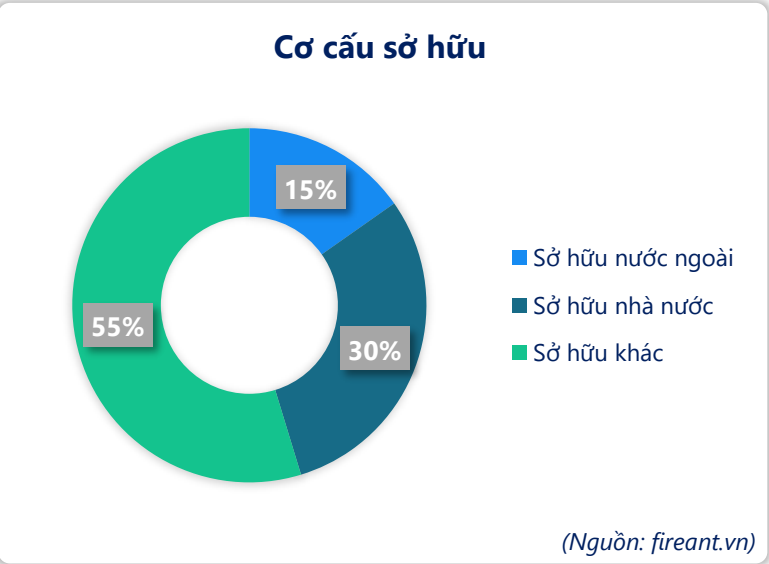
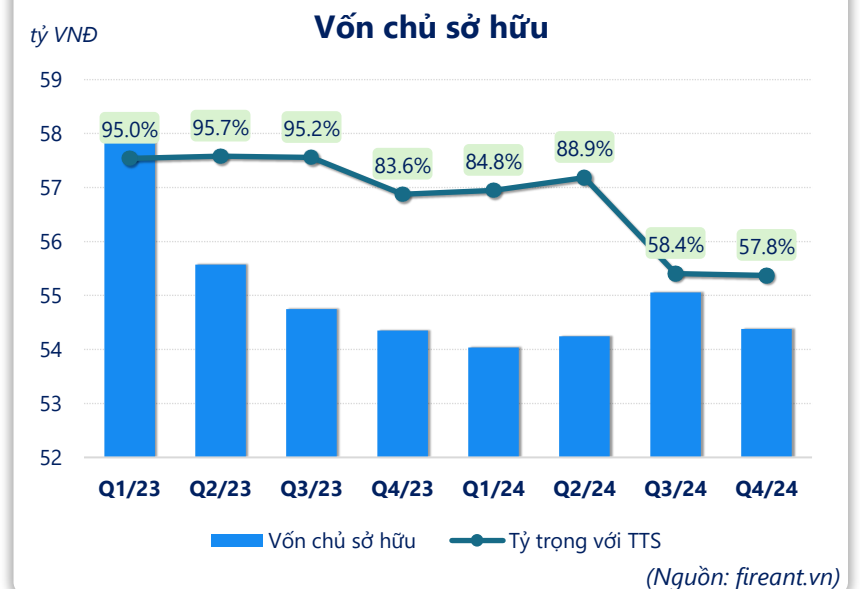
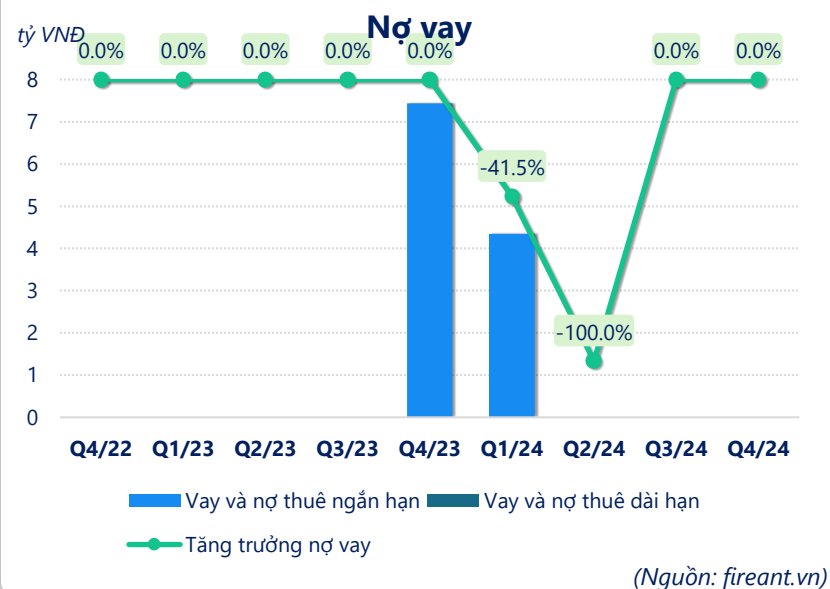
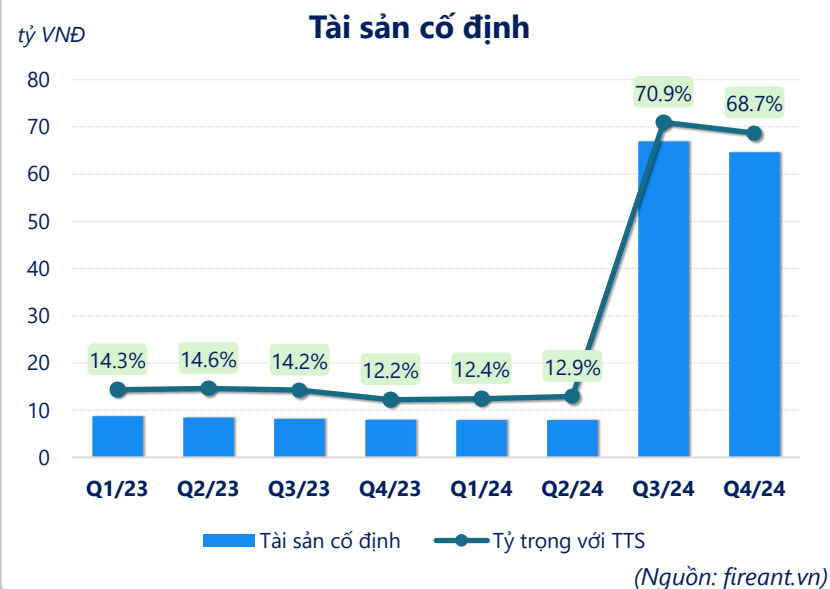
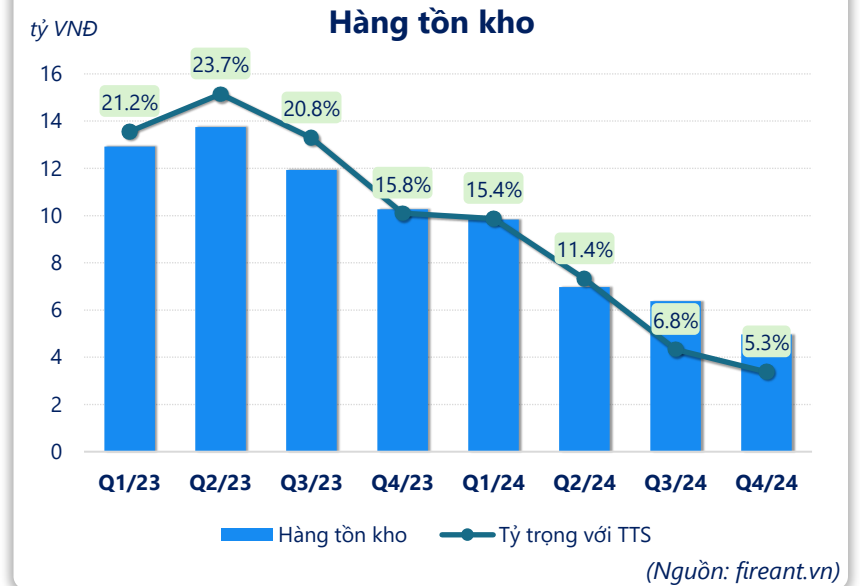
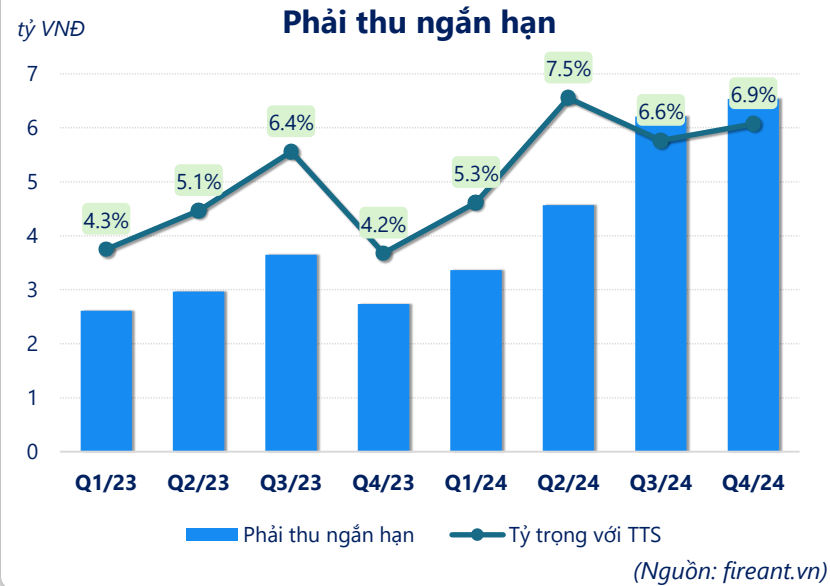
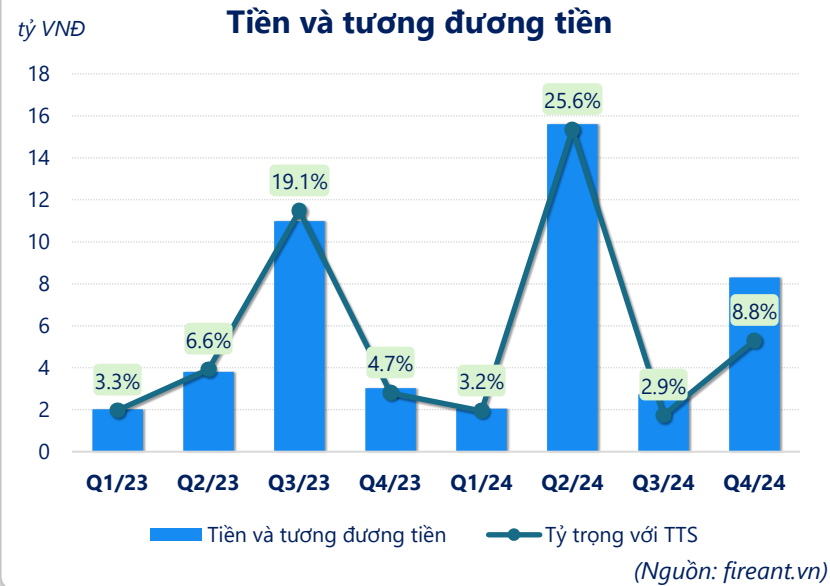
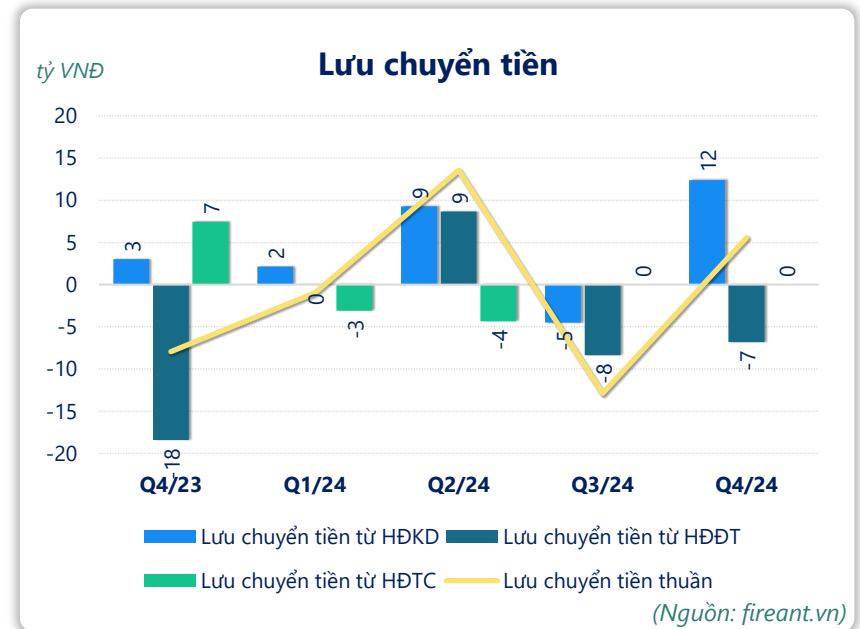
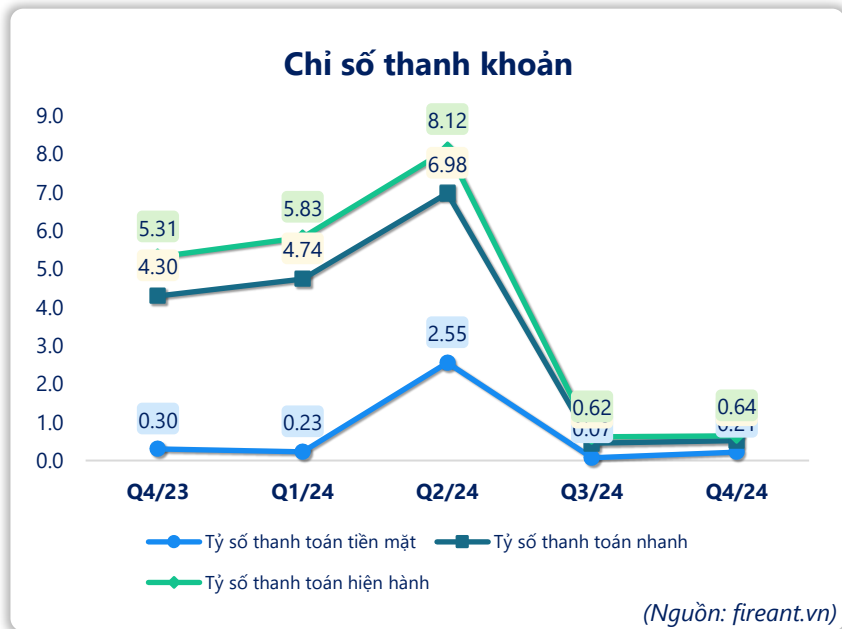
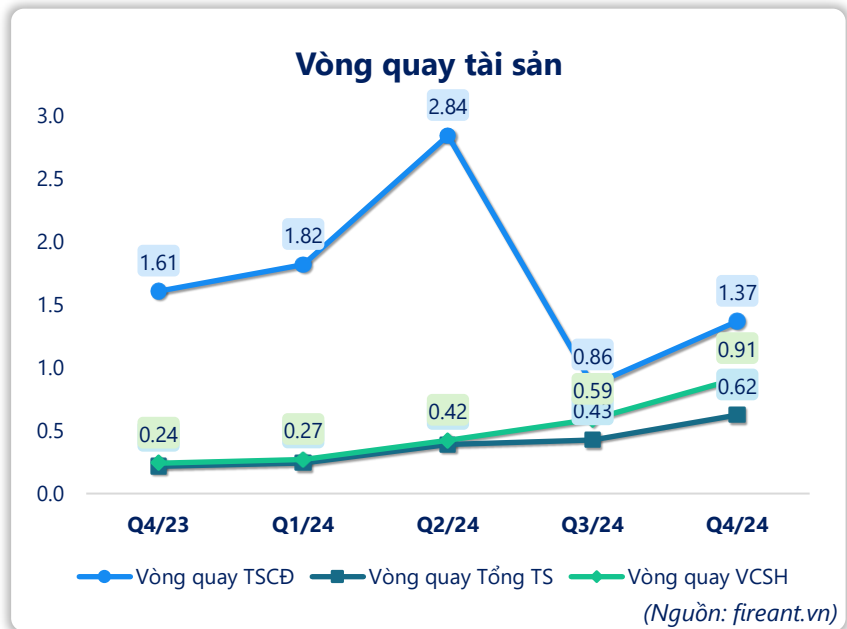
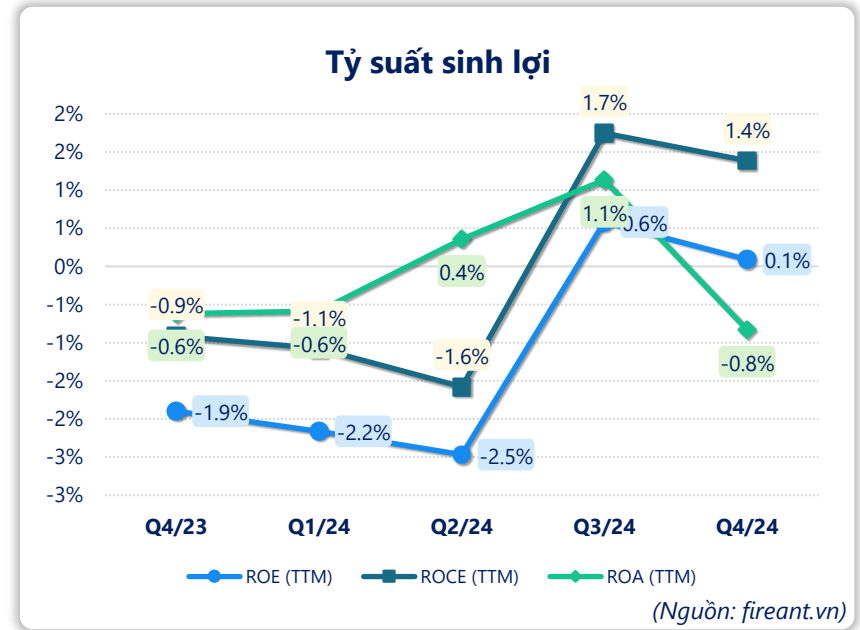
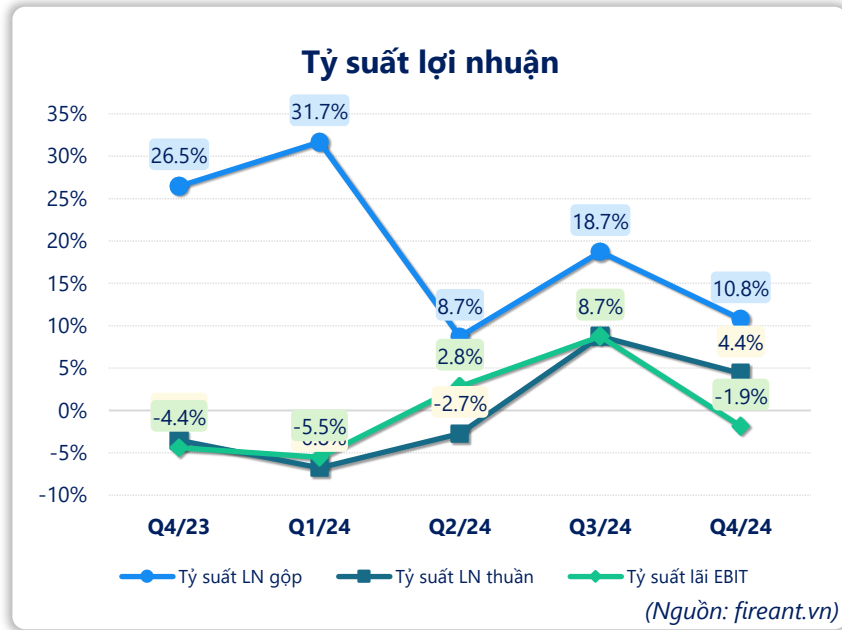
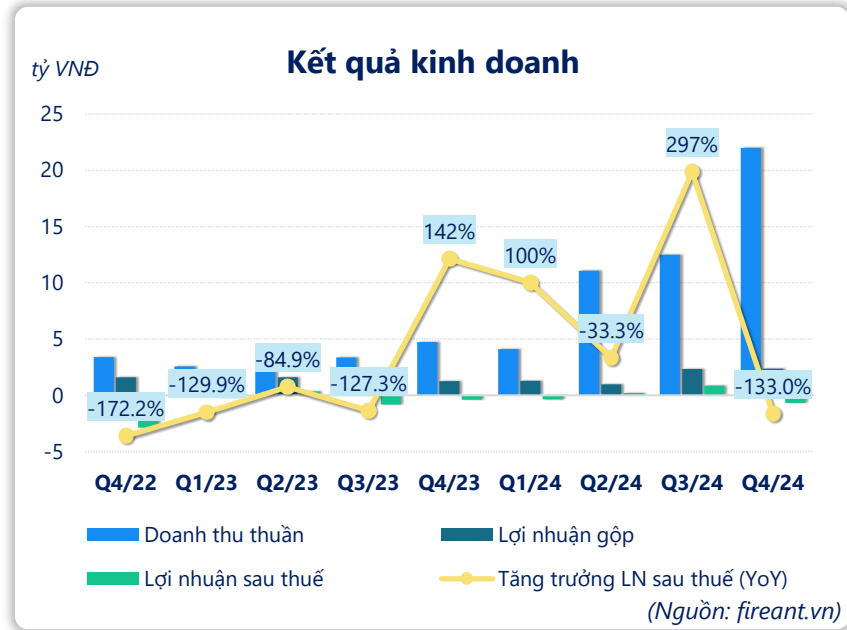


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		29,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,100
SL cổ phiếu LH		3,041,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,240
% sở hữu nước ngoài		15.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		90
P/E		1834.4
EPS		16

	YTD	1T	3T	6T
NHC		17.4%	-10.0%	-1.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	94.1	64.9	44.9%
Tài sản ngắn hạn	24.9	53.7	-53.6%
Tiền và tương đương tiền	8.31	3.03	174%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	37.0	-100.0%
Phải thu ngắn hạn	6.53	2.65	146%
Hàng tồn kho	4.97	10.4	-52.1%
Tài sản ngắn hạn khác	5.10	0.66	671%
Tài sản dài hạn	69.2	11.2	518%
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.0%
Tài sản cố định	64.6	7.94	714%
Bất động sản đầu tư	1.18	1.22	-3.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.87	1.35	113%
Lợi thế thương mại	0	0.20	-100%
Nợ phải trả	39.7	10.5	277%
Nợ ngắn hạn	38.7	9.98	288%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	7.44	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.3	1.32	2730%
Nợ dài hạn	1.01	0.54	86.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.4	54.4	0.0%
Vốn chủ sở hữu	54.4	54.4	0.0%
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	4.72	4.09	11.1	12.5	22.0
Giá vốn hàng bán	3.47	2.79	10.1	10.2	19.6
Lợi nhuận gộp	1.25	1.30	0.96	2.34	2.37
Doanh thu HĐTC	0.44	0.40	0.30	0.06	0.06
Chi phí TC	0.15	0.45	0.15	0.03	0.02
Chi phí lãi vay	0	0.05	0.00	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.26	0.35	0.29	0.29	0.34
Chi phí QLDN	1.44	1.17	1.14	0.98	1.11
LN thuần từ HĐKD	-0.17	-0.28	-0.30	1.09	0.96
Lợi nhuận khác	-0.04	0	0.61	0	-1.38
LN trước thuế	-0.21	-0.28	0.31	1.09	-0.41
Lợi nhuận sau thuế	-0.40	-0.36	0.21	0.86	-0.68
LNST của CĐ cty mẹ	-0.39	-0.36	0.21	0.86	-0.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.99	2.14	9.25	-4.50	12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.4	-0.02	8.65	-8.36	-6.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.44	-3.09	-4.35	0	0
Tiền đầu kỳ	11.0	3.03	2.06	15.6	2.74
Lưu chuyển tiền thuần	-7.96	-0.98	13.6	-12.9	5.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.03	2.06	15.6	2.74	8.31

(Nguồn: fireant.vn)